

Bản án số: 164/2019/DS-PT

Ngày: 19 - 6 - 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đất lâm nghiệp giao khoán và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Doan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đất lâm nghiệp giao khoán và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Đại diện hợp pháp cho ông Ph: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; cư trú: Ấp H, xã H, thành phố Cà Mau (*Văn bản ủy quyền ngày 28-4-2019*).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bào Thị Đ, sinh năm 1975; cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ban Quản lý rừng phòng hộ N (viết tắt: Ban quản lý rừng, BQL rừng); Địa chỉ: Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Ph – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn Ph trình bày:*

Ông Ph khởi kiện yêu cầu hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp buộc bà Th phải giao trả lại hai phần đất cho ông, trong đó một phần đất nguyên trước đây do Bà Bào Thị Đ (vợ cũ ông Ph) đứng tên giao khoán với Ban Quản lý rừng phòng hộ N có diện tích 3,78 ha toạ lạc (Rạch Cá Ngát), Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và 01 phần đất nguyên trước đây do Ông Nguyễn Văn Ph đứng tên giao khoán với Ban quản lý rừng có diện tích 2,9 ha toạ lạc (Rạch Vàm Trũng) Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Lý do ông Ph yêu cầu hủy 02 hợp đồng: 02 phần đất trên là tài sản chung của ông Ph và bà Đ; ông Ph không ký tên vào bất kỳ văn bản nào để chuyển nhượng nhưng không biết lý do nào mà bà Th có 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và được Ban quản lý rừng cấp sổ hợp đồng giao khoán với bà Th. Phần đất bà Đ đứng tên thì bà Th quản lý trước vào năm 2013 (không nhớ tháng), do bà Th đưa lực lượng vào chiếm đất. Phần đất ông Ph đứng tên, khi ông đi làm ở Phú Quốc thì bà Đ ở lại canh tác, nhưng không biết trong trường hợp nào giao cho bà Th.

Đến ngày 06 tháng 11 năm 2017, ông Ph bổ sung yêu cầu khởi kiện cho rằng bà Th đã sử dụng các phần đất nêu trên từ năm 2013 đến nay, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho ông Ph, nên yêu cầu bà Th phải bồi thường số tiền 250.000.000 đồng (trong đó bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm 200.000.000 đồng; bồi thường về tổn thất tinh thần và sức khoẻ là 50.000.000 đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Bà Th không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì lời trình bày của nguyên đơn hoàn toàn không đúng. Bà Th có nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp từ ông Ph và bà Đ, cụ thể:

Phần đất thứ nhất: Nguyên trước đây là do bà Đ đứng tên giao khoán, có diện tích 3,78ha toạ lạc (rạch Cá Ngát), Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Ngày 15/8/2013 ông Ph, bà Đ có phần đất giá 1.000.000.000 đồng, thời hạn 05 năm, bà Th cho thuê lại 100.000.000 đồng/năm. Đến ngày 25/11/2013 âm lịch, ông Ph bà Đ thống nhất chuyển nhượng phần đất cho bà Th giá 01 tỷ đồng vì chuyển nhượng thì thuê lại với giá rẻ hơn là 25.000.000 đồng/năm, đôi bên có làm thủ tục sang nhượng tại Tiểu khu và Ban quản rừng. Tháng 12/2013 bà Th làm đơn gửi BQL rừng đề được giao khoán, đến ngày 19/12/2014 BQL rừng cấp sổ hợp đồng giao khoán đứng tên bà, diện tích đo đạc lại để cấp sổ giao khoán là 3,51ha.

Phần đất thứ hai: Nguyên trước đây là do ông Ph đứng tên giao khoán có diện tích 2,9ha toạ lạc (Rạch Vàm Trũng) ấp Trường Đức, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Ngày 26/6/2013 (âm lịch) ông Ph, bà Đ có cho bà Th toàn bộ

phần đất giá 600.000.000 đồng, thời hạn 03 năm. Bà Th cho thuê lại phần đất giá 50.000.000 đồng/năm. Đến ngày 10/10/2013 ông Ph, bà Đ sang nhượng thành quả lao động cho bà Th giá 650.000.000 đồng. Tháng 12/2013 bà Th có đơn gửi Ban quản lý rừng để làm thủ tục giao khoán, đến ngày 25/12/2015 Ban quản lý rừng mới ký hợp đồng giao khoán với bà Th (lý do giao khoán chậm là vì BQL rừng không ký riêng lẻ từng hợp đồng mà ký theo đợt).

Đối với số tiền 250.000.000 đồng ông Ph yêu cầu, bà Th không đồng ý bồi thường vì bà nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp là hợp pháp được Ban quản lý rừng ký hợp đồng giao khoán, bà nhận đất và canh tác trên cơ sở được phía bà Đ, ông Ph giao đất, bà Th cho rằng yêu cầu của ông Ph là vô căn cứ.

** Tại “Tờ tường trình”, biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2017, biên bản hoà giải và quá trình giải quyết vụ án, Bà Bào Thị Đ trình bày:*

Bà Đ và ông Ph là vợ chồng (đã ly hôn tháng 9/2016) do hoàn cảnh làm ăn khó khăn nên vợ chồng bà bàn bạc cố phần đất vuông do bà Đ đứng tên giao khoán với Ban quản lý rừng, tọa lạc (Rạch Cá Ngát) thuộc Ấp Ô, xã L cho bà Th với giá 1.000.000.000 đồng (bà Đ và ông Ph nhận đủ tiền), bà Th cho thuê lại giá 100.000.000 đồng/năm. Do giá thuê đất cao nên vợ chồng bà thống nhất sang nhượng với giá 1.000.000.000 đồng để được thuê lại giá rẻ hơn là 25.000.000 đồng/năm.

Phần đất thứ hai do ông Ph đứng tên giao khoán với BQL rừng tọa lạc Rạch Vàm Trũng thuộc ấp Trường Đức, xã Lâm Hải. Ngày 26/6/2013 vợ chồng bà Đ, ông Ph cố cho bà Th phần đất giá 600.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền, bà Th cho thuê lại phần đất. Do cần tiền trả nợ nên ngày 10/10/2013 bà Đ và ông Ph chuyển nhượng thành quả lao động cho bà Th giá 650.000.000 đồng, bà Th trả thêm 50.000.000 đồng.

Thời điểm chuyển nhượng thành quả lao động cho bà Th thì bà Đ chưa bị vỡ nợ, nên việc chuyển nhượng là sự tự nguyện của bà Đ, ông Ph và bà Đ đã nhận đủ tiền. Việc chuyển nhượng ông Ph biết, có ký tên và được Ban quản lý rừng đồng ý. Do đó, yêu cầu của ông Ph đòi lại hai phần đất là không đúng vì hiện tại bà và ông Ph còn thiếu nợ vay, nợ hui của bà Th trên 02 tỷ đồng.

** Tại văn bản số 26/CV-BQL ngày 17/10/2017, Ban Quản lý rừng phòng hộ N có ý kiến:*

Việc ông Ph yêu cầu huỷ 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên hai phần đất và yêu cầu bà Th giao trả hai phần đất là không có cơ sở, bởi vì:

Phần đất 3,78 ha tại thửa 750b, khoảnh 58, tiểu khu 146, Bà Bào Thị Đ đứng tên trong hợp đồng và chuyển nhượng thành quả lao động lại cho bà Th là tự nguyện, đất hợp đồng chỉ giao khoán cho một người đứng tên trên hợp đồng; do đó bà Đ là người quyết định phần đất nói trên.

Phần đất 2,9 ha tại thửa 870, khoảnh 74, tiểu khu 147, Ông Nguyễn Văn Ph đứng tên chuyển nhượng thành quả lao động lại cho bà Th là tự nguyện, sau khi xem xét hồ sơ chuyển nhượng và các bên ký đầy đủ, đơn vị thống nhất giao khoán

cho bà Th tại biên bản số 33/BBGKD, ngày 12/12/2013 của Ban Quản lý rừng phòng hộ N giao khoán, nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 135 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự 2005; Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Ph đối với bà Lê Thị Th về việc: Hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp giao khoán đối với 02 phần đất hiện bà Lê Thị Th đứng tên giao khoán với Ban Quản lý rừng phòng hộ N, cụ thể: Phần đất thứ nhất: Thuộc khoảnh 58, Tiểu khu 146, thửa số 64 + 120, tổng diện tích 35.106,7m² tọa lạc Rạch Cá Ngát, Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Phần đất thứ hai: Thuộc khoảnh 74, Tiểu khu 147, thửa số 156, tổng diện tích 35.072,3m² tọa lạc Rạch Vàm Trùng, ấp Trường Đức, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Ph về việc yêu cầu bà Lê Thị Th bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với số tiền 250.000.000 đồng.

2. Về chi phí thẩm định, đo đạc và định giá: Tổng chi phí thẩm định, đo đạc và định giá là 9.000.000 đồng, bà Th tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này và đã nộp đủ.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Ph phải chịu là 53.941.000 đồng (tính tròn). Ông Ph có đơn xin giảm án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lâm Hải về hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được giảm ½ án phí, chỉ phải nộp ½ bằng số tiền 26.970.500 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015376 ngày 10/4/2017 và 3.125.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015685 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, ông Ph tiếp tục nộp 10.845.500 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, Ông Nguyễn Văn Ph có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án nêu trên, vì chưa giám định chữ ký, chưa điều tra làm rõ; hủy án để yêu cầu cấp sơ thẩm hủy 02 hợp đồng, buộc bà Th trả lại 02 phần đất.

Tại phiên tòa: Vào ngày 19-6-2019, ông Toàn đại diện cho ông Ph và ông Ph cùng bảo lưu yêu cầu kháng cáo hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho sơ thẩm xử lại hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và tăng tiền buộc bà Th bồi thường 1.250.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và tổn thất tinh thần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các

đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo; hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đối với diện tích 2,9 ha; buộc bà Th trả lại đất cho ông Ph, bà Đ; ông Ph, bà Đ phải trả cho bà Th số tiền 650.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Ph yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, với lý do Ông Nguyễn Văn Ph không có ký vào 02 đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động đối với 02 phần đất với bị đơn Lê Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do Ban Quản lý rừng phòng hộ N và Bà Bào Thị Đ đều có văn bản xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên việc xét xử vắng mặt đương sự được thực hiện theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đối với phần đất thứ nhất 3,78 ha (theo đo đạc thực tế là 35.106,7m²).*

[3.1] Tại sơ đồ hiện trạng phần đất này (Bút lục số: 137) và Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số: 000120 ngày 19-12-2014, do bà Lê Thị Th đứng tên hợp đồng nhận khoán có tổng diện tích 35.106,7m²; đất thuộc khoảnh 58, tờ bản đồ 21, thửa số 64 + 120, tiểu khu 146, toạ lạc Rạch Cá Ngát, Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn. Kèm theo hợp đồng giao khoán, vào ngày 02/12/2013, BQL rừng phòng hộ Năm Căn cũng đã tiến hành lập “Biên bản giao khoán, nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất” đối với bà Lê Thị Th. Theo kết luận định giá ngày 23-01-2018, giá trị sử dụng đất là 526.600.500 đồng; giá trị trữ lượng rừng 42.130.000 đồng, tổng giá trị là 568.730.500 đồng (Bút lục số: 49).

[3.2] Về nguồn gốc phần đất nhận khoán này: Theo Sổ hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp, thì Bà Bào Thị Đ đứng tên nhận khoán vào ngày 24-11-2000 với BQL rừng phòng hộ Năm Căn (Bút lục từ số: 06 - 09). Theo hồ sơ thể hiện, ông Ph với bà Đ sống với nhau từ năm 1996, đến năm 2004 đăng ký kết hôn, năm 2016 ông Ph, với bà Th ly hôn. Như vậy, thời điểm bà Đ được giao khoán là còn sống chung với ông Ph, tài sản này là tài sản chung của ông Ph với bà Đ (ông Ph cũng thừa nhận tài sản chung). Vào ngày 15-8-2013 ông Ph, bà Đ cố cho bà Th toàn bộ phần đất này với giá 1.000.000.000 đồng, và thuê lại đất canh tác mỗi năm 25.000.000 đồng. Tại “Hợp đồng dân sự” lập ngày 15/8/2013 (Bút lục số: 373) có ghi bên cố đất đã nhận đủ tiền 1.000.000.000 đồng, hợp đồng đều có chữ ký của ông Ph, bà Đ, có ông Bào Văn Nhớ chứng kiến. Tuy nhiên, do không có khả năng chuộc đất, nên theo bà Th, ông Ph, bà Đ chuyển nhượng thành quả lao động phần đất này để ông Ph, bà Đ thuê lại canh tác rẻ hơn cố. Tại hồ sơ thể hiện, về thủ tục chuyển nhượng thành quả lao động đối với phần đất này các bên có lập 02 văn bản, 01 bản có tên “Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20-11-2013” (có chữ ký của vợ chồng ông Ph, bà Đ) (Bút lục số: 368); 01 bản có tên “Đơn xin chuyển nhượng

thành quả lao động ngày 25-11-2013” (Bản này bên chuyển nhượng chỉ có bà Đ ký tên; bên nhận chuyển nhượng bà Th ký tên) (Bút lục số: 246). Nội dung 02 bản hợp đồng này đều ghi nhận nội dung Bà Bào Thị Đ, Ông Nguyễn Văn Ph chuyển nhượng cho bà Lê Thị Th diện tích đất 3,78 ha với giá 01 tỷ đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ xác định có ký vào Hợp đồng dân sự lập ngày 15/8/2013 để có đất, 02 đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động nêu trên; đối với ông Ph thì cho rằng không có ký vào 03 tài liệu nêu trên, nhưng tại biên bản làm việc ngày 07-9-2018 (Bút lục số 391) ông Ph thừa nhận chữ viết “Nguyễn Văn Phóng” tại Hợp đồng dân sự ngày 15-8-2013 (Bút lục số: 373) và thừa nhận có ký chữ “Phóng” vào Bản hợp đồng ghi ngày 20-11-2013, nhưng chữ “Nguyễn Văn Phóng” ông không có ghi. Song, sau đó ông lại cho rằng ông không có ký chữ “Phóng” vào Bản hợp đồng ghi ngày 20-11-2013; đồng thời ông Ph có yêu cầu giám định chữ ký, tại Kết luận giám định số: 166/GĐ-2018 ngày 27-12-2018 của Cơ quan kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau Kết luận chữ ký tại đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20-11-2013; Hợp đồng dân sự ngày 15-8-2013 (Bút lục số: 373) là đều do ông Ph ký (so với các mẫu chữ ký đã thu thập trực tiếp và có tại hồ sơ của ông Ph). Tuy nhiên, có kết quả này ông Ph lại tiếp tục yêu cầu lên Viện khoa học hình sự Bộ Công An, theo kết luận giám định số: 2061/C09B ngày 22-5-2019, thì tài liệu đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20-11-2013 cũng do ông Ph ký ra.

[3.3] Từ căn cứ nêu trên, đã xác định được việc ông Ph, bà Đ đã ký chuyển nhượng thành quả lao động phần đất 3,78 ha (theo đo đạc thực tế là 35.106,7m²) cho bà Th (và bà Th đã được BQL rừng Phòng hộ Năm Căn ký hợp đồng giao khoán là đúng trình tự luật định). Về quan điểm các bên chuyển nhượng thành quả lao động và việc giao khoán đất cho bà Th, tại Công văn số: 26/CV-BQL ngày 17/10/2017, BQL rừng phòng hộ Năm Căn cũng xác định phần đất thuộc tiểu khu 146, Bà Bào Thị Đ đứng tên hợp đồng và chuyển nhượng thành quả lao động lại cho bà Th là tự nguyện, nên việc ông Ph yêu cầu hủy giao dịch chuyển nhượng thành quả lao động này là không đúng. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của ông Ph về hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đối với phần đất này; cần giữ y phần đất có tổng diện tích 35.106,7m² đất thuộc khoảnh 58, Tờ bản đồ 21, thửa số 64 + 120, Tiểu khu 146, tọa lạc Rạch Cá Ngát, Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn cho bà Lê Thị Th tiếp tục theo Hợp đồng nhận khoán là phù hợp.

[4] Về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đối với phần đất thứ hai, có diện tích 2,9 ha (đo đạc thực tế 35.072,3m²)

Theo sơ đồ hiện trạng (Bút lục số: 156) và Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số: 000164 ngày 25-12-2014, do bà Lê Thị Th đứng tên hợp đồng nhận khoán có tổng diện tích 35.072,3m², đất thuộc khoảnh 74, thửa số 156, Tiểu khu 147, tọa lạc Rạch Vàm Trũng, Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn. Kèm theo hợp đồng giao khoán, vào ngày 12/12/2013, BQL rừng phòng hộ Năm Căn cũng tiến hành lập “Biên bản giao khoán, nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất” đối với bà Lê Thị Th. Theo kết luận định giá ngày 23-01-2018 (Bút lục số: 49), giá trị sử dụng đất là 526.084.500 đồng; giá trị trữ lượng rừng 53.220.000 đồng, tổng giá trị là 579.304.500 đồng.

[4.1] Về nguồn gốc phần đất này, theo hồ sơ thể hiện Ông Nguyễn Văn Ph đứng tên nhận khoán tháng 03 năm 2013 với BQL rừng phòng hộ Năm Căn diện tích 2,9 ha (đo đạc thực tế là 35.072,30m²), thời gian này giữa ông Ph, và bà Đ vẫn chưa ly hôn, vì vậy được xem là tài sản trong thời kỳ hôn nhân (ông Ph cũng xác định là tài sản chung). Theo hồ sơ ông Ph nhận chuyển nhượng thành quả lao động của ông Nguyễn Văn Khải năm 2013 (nhưng ông Ph và BQL rừng phòng hộ Năm Căn xác định chưa lập sổ giao khoán cho ông Ph); theo ông Ph nguồn tiền có để nhận chuyển nhượng thành quả lao động phần đất này là do ông Ph bà Th mượn tiền vàng của anh cột chèo, tức là người chồng của chị ruột bà Đ (Bút lục số: 290); đồng thời tại biên bản hòa giải (Bút lục số 208), ông Ph cũng xác định 02 tài sản là tài sản chung. Vào ngày 26-6-2013, ông Ph, bà Đ cùng có cho bà Th toàn bộ phần đất này với giá 600.000.000 đồng, và thuê lại đất canh tác, có “*Giấy có đất vay tiền*” lập ngày 26-6-2013 (Bút lục số: 369) có ghi đã nhận số đất có 2,9 ha giá có là 600.000.000 đồng, “*Giấy có đất*” này đều có chữ ký của ông Ph, bà Đ, có ông Bào Thành Lai, Huỳnh Duy Khương, Lê Trường Giang là Trưởng ấp xác nhận. Tuy nhiên, theo bà Th, do ông Ph, bà Đ không có khả năng chuộc đất có, nên bà Th nhận chuyển nhượng thành quả lao động luôn phần đất nêu trên với giá 650.000.000 đồng, khi nhận chuyển nhượng bà Th đưa thêm 50.000.000 đồng. Theo biên bản hòa giải tại BQL rừng phòng hộ Năm Căn ngày 24-01-2014 (Bút lục số: 519, 520, 521), ông Ph cũng thừa nhận số tiền ông Ph và bà Đ đã nhận của bà Th là 650.000.000 đồng, nhưng là *có đất dài hạn chứ chưa chấp nhận chuyển nhượng thành quả lao động*. Xét lời trình bày này của ông Ph là có mâu thuẫn, bởi lẽ các bên đều thống nhất, trước đó vợ chồng ông Ph, bà Đ đã có phần đất cho bà Th để nhận 600.000.000 đồng. Trong hoàn cảnh vợ chồng ông Ph vẫn không có khả năng chuộc đất (chưa tính nợ hui bà Đ chơi còn nợ bà Th 2.066.800.000 đồng được bà Đ viết giấy nợ, Bút lục số: 225), thì không có lý do gì (hoặc không có điều kiện gì) mà bà Th lại đưa thêm cho vợ chồng ông Ph, bà Đ 50.000.000 đồng để tiếp tục nhận có đất. Việc ông Ph cho rằng nhận tổng cộng 650.000.000 đồng là để có đất dài hạn tại biên bản hòa giải, nhưng ông Ph cũng không có tài liệu, văn bản gì chứng minh là có thỏa thuận này.

[4.2] Quá trình xác minh thu thập bộ hồ sơ hợp đồng giao khoán diện tích 2,9 ha (đo đạc thực tế 35.072,30m²) giữa bà Th với BQL rừng phòng hộ Năm Căn đã có 02 Bản đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động được thiết lập giữa vợ chồng ông Ph với bà Th, 01 bản ghi ngày 10-12-2013 (có chữ ký của vợ chồng ông Ph, bà Đ) (Bút lục số: 475); 01 Bản *không ghi ngày năm* (bản này về dòng chữ *bên chuyển nhượng* có bà Đ, ông Ph ký tên; bên dòng chữ *nhận chuyển nhượng* bà Th ký tên). Nội dung 02 văn bản này đều ghi nhận nội dung Ông Nguyễn Văn Ph chuyển nhượng cho bà Lê Thị Th diện tích đất 2,9 ha với giá 650.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ xác định có ký vào 02 đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động như nêu trên. Song, đối với 01 bản ghi đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động đối với phần đất 2,9 ha này, nhưng *ngày tháng năm để trống*, bên có dòng chữ *bên nhận chuyển nhượng* bị che phủ một lớp mực xóa màu trắng do bà Lê Thị Th ký chồng lên, nhưng dưới lớp mực bị che phủ này có chữ ký và chữ viết của Ông Nguyễn Văn Ph, Bà Bào Thị Đ (bằng mắt thường vẫn nhìn thấy được); lý giải về việc này, bà Th đều xác định, ban đầu vợ chồng ông Ph, bà Đ ký vào đơn xin

chuyển nhượng phần đất 2,9 ha này, ký theo mẫu của BQL rừng ký tại Tiểu khu, nhưng ông Ph, bà Đ ký nhầm bên (*lẽ ra ký bên trái nhưng ký bên phải*), nên đã dùng bút xóa chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông Ph ở vị trí này, và bà Th ký chồng lên (việc này cũng được bà Đ xác nhận bà và ông Ph ký nhầm bên). Do mẫu đơn này bị bôi xóa, nên Tiểu khu cho các bên ký lại bản khác, sau khi đưa bản khác về ký lại và đưa lên BQL rừng phòng hộ Năm Căn, thì bản hợp đồng ngày 10 – 12 – 2013 này chỉ có chữ ký của bà Đ, bà Th là đúng, còn chữ ký của ông Ph, qua kết luận giám định không phải của ông Ph. Tuy nhiên, đối với chữ ký và chữ viết của Ông Nguyễn Văn Ph dưới lớp mực bị che phủ, thì cơ quan kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định được có chữ ký dạng đọc được là “*Phóng*”, nhưng đã từ chối kết luận (do không đủ cơ sở kết luận). Mặc dù, cơ quan chuyên môn đã chối kết luận, nhưng qua phân tích các chứng cứ có liên quan, sau khi bà Th nhận chuyển nhượng đã giao tiếp cho ông Ph, bà Đ thêm 50.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Việc xác lập thủ tục giao khoán này cũng được BQL rừng phòng hộ Năm Căn xác định thủ tục các bên được tiến hành là tự nguyện, đúng pháp luật, từ đó không có cơ sở cho rằng việc vợ chồng ông Ph tiếp tục nhận 50.000.000 đồng của bà Th là để tiếp tục cố đất, mà là chuyển nhượng thành quả lao động; số tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông Ph, bà Đ, từ cố đất để trang trải nợ nần, chi phí sinh hoạt gia đình, nay ông Ph cho rằng chỉ có bà Đ chuyển nhượng và ông không biết, không có tham gia chuyển nhượng 2,9 ha này là không phù hợp.

[4.3] Đối với phần đất 2,9 ha này, sau khi chuyển nhượng thành quả lao động các bên có tranh chấp, tại biên bản hòa giải ngày 24-01-2014, BQL rừng cũng đã ấn định cho ông Ph và bà Đ phải hoàn trả số tiền cho bà Th 650.000.000 đồng, nếu sau 07 ngày các bên không tự thỏa thuận hoàn trả thì BQL rừng sẽ ký hợp đồng cho thuê khoán đối với bà Th. Tuy nhiên, sau 07 ngày phía ông Ph không thực hiện, nên BQL rừng tiến hành cho bà Th nhận khoán. Đồng thời, đến năm 2016, bà Đ ly hôn với ông Ph, các bên xác định không yêu cầu chia tài sản chung, và ông Ph cũng đã không phản ứng hay kháng cáo gì đối với bản án ly hôn giữa bà Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ph cũng cho rằng lúc đó thấy đất đã giao về cho bà Th hết rồi, nên đã không có kháng cáo đối với 02 phần đất đã giao khoán cho bà Th, điều này cho thấy việc ông Ph đã xác định vào thời điểm ông và bà Đ ly hôn thì tài sản chung đã không còn, nên ông Ph không có yêu cầu gì là có thật. Đến nay, việc chuyển nhượng thành quả lao động được 06 năm, giá chuyển nhượng 2,9 ha là 650.000.000 đồng, nay theo giá thị trường của tổng diện tích đo đạc thực tế là 35.072,30m² qua định giá là 579.304.500 đồng (tính luôn rừng), thì cho thấy việc bà Th nhận chuyển nhượng thành quả lao động đối với phần đất nêu trên của vợ chồng ông Ph là không thấp và phù hợp với thị trường, từ đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông Ph nhận tổng cộng 02 lần 650.000.000 đồng là cố đất dài hạn cho bà Th.

[5] Từ phân tích trên, có cơ sở xác định ông Ph, bà Đ đã chuyển nhượng thành quả lao động đối với 02 phần đất nêu trên, nên án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph về hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và yêu cầu bồi thường thiệt hại 250.000.000 triệu đồng của ông Ph là phù hợp. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Ph.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị: Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo; hủy hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động đối với diện tích 2,9 ha; buộc bà Th trả lại đất cho ông Ph, bà Đ; ông Ph, bà Đ phải trả cho bà Th số tiền 650.000.000 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng:

- *Về chi phí thẩm định, đo đạc và định giá cấp sơ thẩm:* Bà Th tự nguyện nộp xong tổng cộng 9.000.000 đồng và không đề nghị ông Ph phải hoàn trả, nên không đặt ra xem xét.

- *Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm:*

Tại Kết luận giám định số: 166/GĐ-2018 ngày 27-12-2018 của Cơ quan kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau Kết luận chữ ký tại đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20-11-2013; Hợp đồng dân sự ngày 15-8-2013 (Bút lục số: 373) là đều do ông Ph ký; Kết luận chữ ký trong đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động ngày 10-12-2013 không phải của ông Ph, nên ông Ph, bà Th, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí giám định, ông Ph đã nộp 4.880.000 đồng, bà Th phải hoàn cho ông Ph 2.440.000 đồng. Tại kết luận giám định số: 2061/C09B ngày 22-5-2019, thì xác định được tài liệu đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20-11-2013 cũng do ông Ph ký ra, nên ông Ph phải chịu chi phí giám định 900.000 đồng (đã nộp xong).

[8] *Về án phí:*

- *Án phí sơ thẩm:* Án sơ thẩm xét miễn 50% án phí cho ông Ph, nhưng lại áp dụng tính án phí yêu cầu tổn thất tinh thần bị xâm phạm (số tiền 50.000.000 đồng) khi ông Ph bị bác không đúng với quy định tại Điều 12, 13, 14, 25 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm về án phí, Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu án phí sơ thẩm như sau:

Về tổng số tiền ông Ph khởi kiện không được chấp nhận gồm: Giá trị đất tranh chấp là 1.148.035.000 đồng + 200.000.000 đồng về tổn thất tài sản (*miễn án phí về tổn thất tinh thần, ông Ph yêu cầu 50.000.000 đồng*), thì án phí phải chịu là 36.000.000 đồng cho mức 800.000.000 đồng; phần vượt 800.000.000 đồng phải chịu thêm 3%; tổng cộng là 52.441.050 đồng, giảm 50% cho ông Ph phải chịu 26.220.525 đồng, trừ tiền án phí ông Ph đã dự nộp 16.125.000 đồng (13.000.000 đồng tại biên lai thu số 0015376 ngày 10/4/2017 và 3.125.000 đồng tại biên lai thu số 0015685 ngày 21/11/2017) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, Ông Nguyễn Văn Ph còn phải nộp tiếp: 10.095.525 đồng.

- *Án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Ph không được chấp nhận, nên ông Ph phải chịu đã dự nộp 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số: 0015980 ngày 15-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu đôi trừ.

[9] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 13, 14, 25 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Ph về yêu cầu hủy án sơ thẩm. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau về án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Ph đối với bà Lê Thị Th về việc: Hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên đất lâm nghiệp giao khoán đối với 02 phần đất hiện bà Lê Thị Th đứng tên giao khoán với Ban Quản lý rừng phòng hộ N, cụ thể: Phần đất thứ nhất: Thuộc khoảnh 58, Tiểu khu 146, thửa số 64 + 120, tổng diện tích 35.106,7m² tọa lạc Rạch Cá Ngát, Ấp Ô, xã L, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Phần đất thứ hai: Thuộc khoảnh 74, Tiểu khu 147, thửa số 156, tổng diện tích 35.072,3m² tọa lạc Rạch Vàm Trũng, ấp Trường Đức, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Ph về việc yêu cầu bà Lê Thị Th bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với số tiền 250.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng:

- *Về chi phí thẩm định, đo đạc và định giá cấp sơ thẩm:* Bà Th tự nguyện nộp xong tổng cộng 9.000.000 đồng.

- *Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm:*

Chi phí giám định lần thứ nhất: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Lê Thị Th, mỗi người chịu ½ chi phí giám định. Ông Nguyễn Văn Ph đã nộp 4.880.000 đồng, bà Lê Thị Th phải hoàn cho ông Ph 2.440.000 đồng.

Chi phí giám định lần thứ hai: Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu chi phí giám định 900.000 đồng (đã nộp xong).

Kể từ ngày ông Ph có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền bà Th phải hoàn trả cho ông Ph, nếu bà Th không tự nguyện thi hành án thì bà còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 26.220.525 đồng, đối trừ tiền án phí ông Ph đã dự nộp 16.125.000 đồng (13.000.000 đồng tại biên lai thu số 0015376 ngày 10/4/2017 và 3.125.000 đồng tại biên lai thu số 0015685 ngày 21/11/2017) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, Ông Nguyễn Văn Ph còn phải nộp tiếp: 10.095.525 đồng.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu đã dự nộp 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số: 0015980 ngày 15-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út